ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1823 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 10 năm 2016*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 8348
Ngày: 07/10/16
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm ứng ngân sách tỉnh để giải quyết kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đối với khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể tỉnh đợt 2 và đợt 2 bổ sung năm 2016

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Công văn số 499-CV/BTCTU ngày 18/9/2016 về việc chi trả cho cán bộ công chức nghỉ hưu trước tuổi đợt 2 và đợt 2 bổ sung; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2303/STC-HCSN ngày 26/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với 06 đối tượng khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể tỉnh đợt 2 và đợt 2 bổ sung năm 2016 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP là 766,705 triệu đồng *(Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn đồng),* chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí: Tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2016.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp tạm ứng kinh phí qua Văn phòng Tỉnh ủy để chi trả đối với các đối tượng thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; cấp kinh phí đối với Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi; thông báo bổ sung dự toán tạm ứng cho ngân sách huyện Tư Nghĩa và huyện Sơn Hà để chi trả đối với các đối tượng thuộc Huyện ủy Tư Nghĩa và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Sơn Hà; đồng thời tham mưu, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi, UBND các huyện: Tư Nghĩa và Sơn Hà thực hiện, phối hợp với các cơ quan tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này thực hiện việc chi trả kinh phí cho các đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Tư Nghĩa, Sơn Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Tỉnh đoàn Quảng Ngãi;
- TT Huyện ủy:Tư Nghĩa, Sơn Hà;
- UBMT Tổ Quốc VN huyện Sơn Hà;
- VP UB: P.NC, CBTH;
- Lưu:VT, KTTHhtlv279.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

*

Phụ lục

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP ĐỐI VỚI KHỐI ĐẢNG, MẶT TRẬN, ĐOÀN THỂ TỈNH ĐỢT 2, ĐỢT 2 BỔ SUNG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 07 /10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách (nghìn đồng)				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Lý do tinh giản biên chế
					Hệ số lương	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Mức phụ cấp	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
I	**Ban Tổ chức Tỉnh ủy**																										
1	Võ Thị Kim Chi	10/10/1963	Đại học	Chuyên viên Văn phòng Ban	3,33	7/2016									3,00	7/2013		3.160,00	21N 2T	9/2016	52N 11T	39.499				39.499	Dôi dư do cơ cấu lại công chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
II	**Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh ủy**																										
1	Nguyễn Hoài	20/7/1958	Cử nhân Kinh tế	Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ III	5,08	01/01/2015	0,3	01/04/2006	13% 14% 15% 16% 17% 18%	10 2010 10 2011 10 2012 10 2013 10 2014 10 2015					4,74	01/01 2012		6.374	38 N 6 T	07 2016	57 N 11 T	135.722				135.722	Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
III	**Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi**																										

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách (nghìn đồng)				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Lý do tinh giản biên chế
					Hệ số lương	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Mức phụ cấp	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề		
1	Ngô Minh Công	8/1/1961	Cử nhân Khoa học Lịch sử	Phó Ban Đoàn kết tập hợp thanh niên	4,98	06 2011	0,3	07 2011			5% 6% 7%	6 2014 6 2015 6 2016			4,65	12 2007		5.799	34 N 10 T	07 2016	55 N 6 T	148.183				148.183	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp
IV	Huyện uỷ Tư Nghĩa																										
1	Võ Văn Tiết	20/02/1959	Đại học Luật	Phó Bí thư Thường trực HU, Chủ tịch HĐND huyện	5,42	9 2015	0,6	8 2010							5,08	11 2012		6.119	38 N 8 T	07 2016	57 N 5 T	141.604				141.604	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, mỗi năm có tổng số ngày nghỉ làm việc là số ngày nghỉ tối đa do ốm đau (bị tai biến) theo quy định của Luật
2	Phạm Đi	12/10/1959	Trung cấp Kế toán	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy	4,98	10 2004	0,25 0,2	10 2010 8 2015	25% 26% 27% 28% 29% 30%	9 2010 9 2011 9 2012 9 2013 9 2014 9 2015	11% 12% 13% 14% 15% 16%	4 2011 4 2012 4 2013 4 2014 4 2015 4 2016						7.677	32 N 11 T	07 2016	56N 7T	165.375				165.375	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách (nghìn đồng)				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Lý do tinh giản biên chế
					Hệ số lương	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Mức phụ cấp	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương	Hệ số	Thời điểm lương						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề		
V	Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Sơn Hà																										
1	Huỳnh Bá Tại	20/9/1958	Đại học	Phó Chủ tịch UBMTTQVN huyện Sơn Hà	4,98	01 2009	0,3 0,2	9 2011 5 2014			5% 6% 7% 8% 9%	01 2012 01 2013 01 2014 01 2015 01 2016						5,671	40 N 8 T	9 2016	57N 11 T	136.322				136.322	Dôi dư do cơ cấu lại công chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
	Tổng cộng																					766.705				766.705	